

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/5/2020

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính

2. Ông Nguyễn Lê Phong

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Vũ Thùy Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Quý Thùy A**, sinh năm: 1981; Có mặt.

Địa chỉ: thôn B, xã C, thành phố PT, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình D**, sinh năm: 1979, Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn B, xã C, thành phố PT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Quý Thùy A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình D tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố PT, tỉnh BT vào ngày 19/03/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng càng về sau cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần, ông D thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng không có tiếng nói chung, bà đã chịu đựng và chấp nhận để con cái có một gia đình hạnh phúc, nhưng càng ngày càng rơi vào bế tắc, cảm thấy cuộc hôn nhân ngày càng tồi tệ, không có kết quả tốt, ông bà đã sống ly thân từ năm 2015, nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông D không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đình D.

Về con chung: ông bà có 02 con chung: 1/ Nguyễn Đình F (giới tính: nam), sinh ngày 31/10/2001, đã trưởng thành; 2/ Nguyễn Hiệu G, (giới tính: nam), sinh ngày 18/01/2007. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của bà được nuôi con chưa thành niên là Hiệu G và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình D vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng có đến Tòa nhận thông báo về việc Thụ lý vụ án; có viết và giao nộp bản tự khai, không nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, bà A được ly hôn ông D; về con chung: giao con chưa thành niên Hiệu G cho bà A trông nom, chăm sóc, giáo dục, bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí bà Nguyễn Quý Thùy A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Quý Thùy A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Đình D có nơi cư trú tại thành phố PT; về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng

dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố PT quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản và niêm yết đúng theo quy định của Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Nguyễn Quý Thùy A và ông Nguyễn Đình D tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố PT, tỉnh BT vào ngày 19/03/2001, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 19 tháng 3 năm 2001 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà A cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông D thường xuyên nhậu nhẹt, không khí gia đình căng thẳng, hôn nhân ngày càng tồi tệ, không mang lại hạnh phúc cho nhau, ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 mặc dù vẫn sống chung nhà, tại bản tự khai do ông D trực tiếp viết và giao nộp, ông xác nhận vợ chồng không thể sống chung, ông đồng ý ly hôn, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông D theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2]. Về con chung: Bà A và ông D có 02 con chung: Nguyễn Đình F (giới tính: nam), sinh ngày 31/10/2001, đã trưởng thành và Nguyễn Hiệu G, (giới tính: nam), sinh ngày 18/01/2007 hiện đang ở chung với bà. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của bà được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên là Hiệu G đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của bà A phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống của cháu G nên chấp nhận yêu cầu của bà A.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Quý Thùy A đối với ông Nguyễn Đình D; bà Nguyễn Quý Thùy A được ly hôn ông Nguyễn Đình D.

Về con chung: bà A ông D có 02 con chung: Nguyễn Đình F (giới tính: nam), sinh ngày 31/10/2001, đã trưởng thành và Nguyễn Hiệu G, (giới tính: nam), sinh ngày 18/01/2007 hiện đang ở với bà A.

Giao cho bà A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên Nguyễn Hiệu G cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Nguyễn Quý Thùy A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Quý Thùy A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn Quý Thùy A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0005397 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT, bà Nguyễn Quý Thùy A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020). Bị đơn ông Nguyễn Đình D vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phan Thiết;
- UBND phường Đức Long;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Ngọc